



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc công tác Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soạn thảo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Khai quát chung về Công ty

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 31

Kinh doanh nhà ở, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Khuông các gồm kinh doanh nhà ở, phòng hát Karaoke, vui trường).

Chăm sóc, xây dựng nhà ở, khu công nghiệp;

Kinh doanh thương mại nội thất, Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;

Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;

Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Choi hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;

Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;

Đào tạo máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành điện và thiết bị điện công nghiệp, điện dân dụng;

Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất.

Địa chỉ Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 26291 363 Fax: (04) 26861 616

Văn phòng giao dịch Tầng 4 tòa nhà LHM Tower số 555 K. Nguyễn Đình - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7342 888 Fax: (04) 7310 760

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được bầu chọn Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 và cho kỳ hoạt động tiếp theo giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng

Đã Trần Thị Lê Hải



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616
Văn phòng giao dịch: Tầng 6 toà nhà DMC Tower số 535 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: (04) 7342 888 Fax: (04) 7710 789

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng
Bà Trần Thị Lê Hải

Chủ tịch
Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Marume Mitsuo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á *h*



Trần Thị Lê Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2012

Nhà đã trình bày trung báo cáo của Ban Tổng giám đốc, trong đó đến trang 04, Ban Tổng giám đốc đã trình bày về nhiệm vụ và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trình bày các chứng từ và tài liệu kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công bố, xét các tài liệu kèm theo.

Chúng tôi đã được tiếp xúc với Ban các tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và công bố quốc tế. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập Kế hoạch và thực hiện các thủ tục để có sự đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soạn thảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được thực hiện trên cơ sở các tài liệu kèm theo những thông tin và chứng cứ mà chúng tôi thu thập được một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tiến hành sơ bộ chúng tôi kiểm tra các chứng từ, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình kinh doanh và tài sản của Công ty. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập thành các (bộ) hợp đồng kinh tế, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 01 bản Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như sau:

Phạm Hùng Hoa
Phó Tổng giám đốc
Chức vụ: Giám đốc tài chính và Kế toán

Ngô Bá Quý
Giám đốc tài chính
Chức vụ: Giám đốc tài chính và Kế toán

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Số : 633-12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 được lập ngày 15 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chế độ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mắt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

PMU

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		443.596.688.242	382.399.578.360
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.602.783.423	18.374.238.991
1 Tiền	111	V.1.	10.602.783.423	18.374.238.991
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203.147.575.806	156.603.128.134
1 Phải thu của khách hàng	131		178.473.301.897	142.145.620.316
2 Trả trước cho người bán	132		21.370.291.096	9.386.402.298
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	4.467.282.838	6.234.405.545
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.163.300.025)	(1.163.300.025)
IV Hàng tồn kho	140		227.030.531.426	203.161.628.309
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	227.030.531.426	203.161.628.309
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.815.797.587	4.260.582.926
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		203.939.041	119.451.708
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		380.090.601	1.061.149.765
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	176.745.341	467.247.107
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		2.055.022.604	2.612.734.346
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		180.124.772.803	187.010.700.916
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	150.520.725
4 Phải thu dài hạn khác	218		-	150.520.725
II Tài sản cố định	220		163.414.148.810	168.495.122.140
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	139.432.425.433	131.205.146.304
- Nguyên giá	222		191.565.136.613	176.487.393.654
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.132.711.180)	(45.282.247.350)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6.	16.417.744.910	7.899.404.694
- Nguyên giá	225		18.598.400.232	9.100.935.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.180.655.322)	(1.201.530.836)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	6.175.252	43.226.956
- Nguyên giá	228		407.819.466	407.819.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(401.644.214)	(364.592.510)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	7.557.803.215	29.347.344.186
III Bất động sản đầu tư	240	V.9.	3.284.912.544	3.353.348.222
- Nguyên giá	241		3.421.783.900	3.421.783.900
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(136.871.356)	(68.435.678)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		13.425.711.449	15.011.709.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	13.255.901.449	14.841.899.830
3. Tài sản dài hạn khác	268		169.810.000	169.810.000
VI Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		623.721.461.045	569.410.279.277

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		464.152.778.812	418.331.226.884
I Nợ ngắn hạn	310		428.496.256.457	363.369.162.459
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	228.448.447.862	207.796.520.023
2 Phải trả người bán	312		113.095.486.392	69.766.932.715
3 Người mua trả tiền trước	313		61.290.945.828	59.890.845.992
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	6.885.980.618	7.302.747.828
5 Phải trả người lao động	315		1.354.876.576	2.849.306.273
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	895.497.732	564.356.196
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	16.525.021.450	15.198.453.432
II Nợ dài hạn	330		35.656.522.355	54.962.064.425
3 Phải trả dài hạn khác	333		105.000.000	105.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	30.999.776.839	34.528.846.583
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	9.353.236
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.16.	4.551.745.516	20.318.864.606
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		159.568.682.233	151.079.052.393
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	159.568.682.233	151.079.052.393
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	4.050.000.000
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(140.464.046)	(779.218.761)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		3.303.953.122	3.239.682.853
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		3.345.092.064	2.776.281.011
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.760.063.750	1.760.063.750
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.250.037.343	15.032.243.540
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		623.721.461.045	569.410.279.277

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18.	441.194.223.587	225.029.802.468
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19.	591.155.632	770.105.182
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.20.	440.603.067.955	224.259.697.286
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.21.	390.413.951.500	185.816.516.694
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		50.189.116.455	38.443.180.592
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22.	60.012.179	86.755.935
7 Chi phí tài chính	22	VI.23.	22.395.075.461	15.600.636.916
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.228.097.577	13.372.926.640
8 Chi phí bán hàng	24		9.144.722.503	9.323.210.878
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.381.662.288	8.106.238.147
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		11.327.668.382	5.499.850.586
11 Thu nhập khác	31		604.764.325	11.827.100.327
12 Chi phí khác	32		325.243.098	11.767.146.399
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		279.521.227	59.953.928
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		11.607.189.609	5.559.804.514
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.623.984.208	2.260.364.524
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	20.362.015
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.983.205.402	3.279.077.975
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		9.983.205.402	3.279.077.975
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	799	285

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		439.123.104.888	194.688.270.916
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(332.329.889.248)	(200.082.878.670)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.327.196.849)	(10.515.240.723)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(15.946.525.326)	(27.706.051.742)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(952.621.904)	(225.426.913)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.144.749.991	9.019.018.144
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(108.641.559.196)	(13.080.690.731)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.929.937.644)	(47.902.999.719)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.926.677.390)	(5.062.436.432)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		580.450	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.952.539	26.014.307
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.868.144.401)	(5.036.422.125)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	29.050.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		353.421.164.650	240.697.913.418
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(336.387.538.173)	(210.860.133.695)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.000.000)	(4.833.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.026.626.477	54.054.199.723
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.771.455.568)	1.114.777.879
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	18.374.238.991	1.634.003.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	10.602.783.423	2.748.781.535

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1. Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2. Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

3.	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
----	---	---

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị

Thời gian khấu hao <năm>

25

3-7,5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
Thiết bị, dụng cụ quản lý

7
4-5

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

Phần mềm kế toán Effect
Hệ thống quản lý ISO 9001

4
4

4. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Máy móc thiết bị
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6
6

4.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Công ty không khấu hao bất động sản đầu tư đang nắm giữ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí sau:

- Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;
- Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với các hợp đồng thuê mặt bằng Khu công nghiệp Châu Sơn quy định. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương VN	1.126.249.960	1.909.747.723
GAOMING Foreign Trade Enterprise	-	864.362.000
Hoàng Văn Võ	-	1.650.000
Các đối tượng khác	3.341.032.878	3.458.645.822
Cộng	4.467.282.838	6.234.405.545
3. Hàng tồn kho	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	6.923.882
Nguyên liệu, vật liệu	119.433.967.724	112.150.675.717
Công cụ, dụng cụ	1.238.458.642	1.542.004.734
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.618.897.690	12.131.442.770
Thành phẩm	20.079.952.844	22.013.182.088
Hàng hoá	74.658.394.951	55.316.539.543
Hàng gửi đi bán	859.575	859.575
Cộng giá gốc hàng tồn kho	227.030.531.426	203.161.628.309
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	-	7.970.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.745.341	459.276.582
Cộng	176.745.341	467.247.107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
 (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2012	88.280.350.424	69.601.032.369	17.605.393.470	947.438.384	53.179.007	176.487.393.654	
Mua trong kỳ	-	230.158.850	-	-	-	230.158.850	
Đầu tư XDCB hoàn thành	193.787.668	15.193.716.731	-	-	-	15.387.504.399	
Tăng khác	-	-	390.583.251	53.179.007	-	443.762.258	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(282.608.318)	-	-	-	(282.608.318)	
Giảm khác	-	(647.895.223)	-	-	(53.179.007)	(701.074.230)	
Số dư ngày 30/06/2012	88.474.138.092	84.094.404.409	17.995.976.721	1.000.617.391	-	191.565.136.613	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2012	9.202.387.595	26.349.822.085	8.954.603.311	723.454.134	51.980.225	45.282.247.350	
Khấu hao trong kỳ	1.890.128.070	4.198.536.242	774.802.964	141.703.948	-	7.005.171.224	
Tăng khác	-	249.074.611	-	1.517.816	-	250.592.427	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(103.034.295)	-	-	-	(103.034.295)	
Giảm khác	-	(250.285.301)	-	-	(51.980.225)	(302.265.526)	
Số dư ngày 30/06/2012	11.092.515.665	30.444.113.342	9.729.406.275	866.675.898	-	52.132.711.180	
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 01/01/2012	79.077.962.829	43.251.210.284	8.650.790.159	223.984.250	1.198.782	131.205.146.304	
Tại ngày 30/06/2012	77.381.622.427	53.650.291.067	8.266.570.446	133.941.493	-	139.432.425.433	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 77.977.394.188 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.820.403.980 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2012	9.100.935.530	9.100.935.530
Thuê tài chính trong kỳ	8.899.730.655	8.899.730.655
Tăng khác	597.734.047	597.734.047
Số dư ngày 30/06/2012	18.598.400.232	18.598.400.232
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2012	1.201.530.836	1.201.530.836
Khấu hao trong kỳ	1.028.074.972	1.028.074.972
Giảm khác	(48.950.486)	(48.950.486)
Số dư ngày 30/06/2012	2.180.655.322	2.180.655.322
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	7.899.404.694	7.899.404.694
Tại ngày 30/06/2012	16.417.744.910	16.417.744.910

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2012	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2012	344.745.844	19.846.666	364.592.510
Khấu hao trong kỳ	37.051.704		37.051.704
Số dư ngày 30/06/2012	381.797.548	19.846.666	401.644.214
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	43.226.956	-	43.226.956
Tại ngày 30/06/2012	6.175.252	-	6.175.252

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm TSCĐ	1.730.024.196	1.527.546.392
Xây dựng cơ bản dở dang	5.827.779.019	27.819.797.794
Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH MTV SMW	1.792.522.400	1.792.522.400
Nâng cấp hệ thống nhà xưởng	4.035.256.619	4.035.256.619
Dây chuyền sản xuất nhôm	-	8.666.701.751
Dây chuyền sản xuất Mica	-	9.397.038.508
Chi phí làm hầm lên xuống hàng bệt Hiflex	-	157.218.668
Máy sản xuất thanh nhựa profile	-	3.771.059.848
Cộng	7.557.803.215	29.347.344.186

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

				Đơn vị tính: VND
9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/06/2012
Nguyên giá	3.421.783.900	-	-	3.421.783.900
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	-	3.421.783.900
Giá trị hao mòn lũy kế	68.435.678	68.435.678	-	136.871.356
Quyền sử dụng đất	68.435.678	68.435.678	-	136.871.356
Giá trị còn lại	3.353.348.222	-	-	3.284.912.544
Quyền sử dụng đất	3.353.348.222	-	-	3.284.912.544
10. Chi phí trả trước dài hạn			30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn			-	9.982.073.878
Chi phí chung của Văn phòng			-	1.680.059.715
Công cụ dụng cụ			12.535.890.386	3.179.766.237
Các khoản chi phí khác			720.011.063	-
Cộng			<u>13.255.901.449</u>	<u>14.841.899.830</u>
11. Vay và nợ ngắn hạn			30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn			228.362.798.862	207.398.020.283
Vay ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)			198.370.152.293	177.401.015.485
VND			185.704.169.692	165.441.702.326
USD			12.665.982.601	11.959.313.159
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)			29.992.646.569	29.997.004.798
VND			29.992.646.569	29.997.004.798
Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả			85.649.000	398.499.740
Cộng			<u>228.448.447.862</u>	<u>207.796.520.023</u>

(1) Hợp đồng tín dụng số 46.12.004.369260.TD.DN ngày 30/03/2012 giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á, Công ty TNHH SMARTWINDOW Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo gồm: Máy móc thiết bị trị giá 16.207.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 87(3).10.004.369260.TC.DN ký ngày 07/10/2010; Máy móc thiết bị trị giá 7.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 284.10.004.369260.DKDB ngày 22/10/2010; Máy móc thiết bị trị giá 241.000 USD theo Hợp đồng thế chấp số 69.10.004.369260.ĐB ngày 20/08/2010; Nhà xưởng trị giá 27.764.900.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 87(1).10.004.369260.TC.DN ngày 01/03/2011; Nhà xưởng trị giá 11.403.100.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 87(2).10.004.369260.TC.DN ngày 7/10/2010; Hàng tồn kho luân chuyển trị giá 140.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 15.10.004.369260.ĐB ngày 14/4/2010; và các khoản phải thu từ công trình, dự án đang triển khai. Tổng giá trị tài sản thế chấp: 207.406.520.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

(2) Hợp đồng tín dụng số HKI/HĐTD/11053 ngày 12/07/2011 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất vay của VND là 19,3%/năm và của USD là 7,5%/năm.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	98.602.430	1.535.828.342
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	125.871.049	276.344.789
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	961.347.561	81.001.588
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.800.344.182	4.863.252.602
Thuế Thu nhập cá nhân	899.815.396	546.320.507
Cộng	6.885.980.618	7.302.747.828

13. Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng Hà Nam	700.432.000	560.384.032
Các khoản khác	195.065.732	3.972.164
Cộng	895.497.732	564.356.196

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	245.276.194	240.541.914
Kinh phí công đoàn	176.816.601	60.018.760
Bảo hiểm xã hội, y tế	997.137.410	515.000.866
Bảo hiểm thất nghiệp	106.131.382	66.861.231
Phải trả, phải nộp khác	14.999.659.863	14.316.030.661
Ông Nguyễn Bá Hùng	5.099.500.000	5.099.500.000
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	8.099.000.000	8.099.000.000
* Phải trả phải nộp khác	1.801.159.863	1.117.530.661
Cộng	16.525.021.450	15.198.453.432

15. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	19.731.084.383	21.613.066.241
Vay ngân hàng	19.731.084.383	21.613.066.241
Ngân hàng Quân đội (3)	19.731.084.383	21.613.066.241
VND	3.318.257.040	3.427.757.040
USD(2)	16.412.827.343	18.185.309.201

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Nợ dài hạn (4)	11.268.692.456	12.915.780.342
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương	11.268.692.456	12.915.780.342
Cộng	30.999.776.839	34.528.846.583

(3) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng giá trị là 132.375.000.000 VND.

(4) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

16. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX	345.814.273	345.814.273
Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội	2.195.912.323	9.494.108.606
Công ty CP ĐTXD và Kinh doanh Nhà Sài Gòn	726.571.382	-
Công ty DIMENSION INTERNATIONAL CORP PAID	-	5.792.586
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	207.954.546	-
Công ty TNHH V&H Việt Nam	216.000.000	-
Công ty CP Xây dựng số 2	-	1.254.807.093
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	131.025	746.549.964
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Việt Hưng	-	263.825.066
Công ty CP Xây dựng số 1	-	7.298.196.193
Các công trình khác	859.361.967	909.770.825
Cộng	4.551.745.516	20.318.864.606

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	100.000.000.000	-	18.844.544.602	118.844.544.602
Tăng vốn trong năm trước	25.000.000.000	4.050.000.000	-	29.050.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	14.460.300.143	14.460.300.143
Chi trả cổ tức	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Trích các quỹ	-	-	(2.487.165.116)	(2.487.165.116)
Giảm khác	-	-	(1.785.436.089)	(1.785.436.089)
Số dư tại ngày 31/12/2011	125.000.000.000	4.050.000.000	15.032.243.540	144.082.243.540
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	9.983.205.402	9.983.205.402
Trích lập các quỹ	-	-	(1.137.622.105)	(1.137.622.105)
Giảm khác	-	-	(1.627.789.494)	(1.627.789.494)
Số dư tại ngày 30/06/2012	125.000.000.000	4.050.000.000	22.250.037.343	151.300.037.343

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	31.812.000.000	31.812.000.000
Nguyễn Bá Hùng	40.067.500.000	40.067.500.000
Nguyễn Thị Tính	165.000.000	165.000.000
Việt Nam Growth Capital L.L.C	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Tam Sơn	12.500.000.000	12.500.000.000
Các cổ đông khác	35.455.500.000	35.455.500.000
Cộng	125.000.000.000	125.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	125.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	25.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	14.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

	01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2012
Quỹ đầu tư phát triển	3.239.682.853	64.270.269	-	3.303.953.122
Quỹ dự phòng tài chính	2.776.281.011	568.811.053	-	3.345.092.064
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.760.063.750	-	-	1.760.063.750
Tổng cộng	7.776.027.614	633.081.322	-	8.409.108.936

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm	208.328.842.988	115.013.424.977
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	48.603.897.224	31.345.677.637
Doanh thu bán hàng hóa	184.261.483.375	78.670.699.854
Cộng	441.194.223.587	225.029.802.468

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chiết khấu thương mại	302.123.969	419.925.767
Hàng bán trả lại	289.031.663	350.179.415
Cộng	591.155.632	770.105.182

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	207.737.687.356	114.243.319.795
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ, lắp đặt	48.603.897.224	31.345.677.637
Doanh thu thuần bán hàng hóa	184.261.483.375	78.670.699.854
Cộng	440.603.067.955	224.259.697.286

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 6 tháng đầu năm 2012

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	217.971.604.545	96.622.902.748	151.893.411.669	(25.884.851.007)	440.603.067.955
Doanh thu hoạt động tài chính	34.561.122	14.549.822.906	2.560.773	(14.526.932.622)	60.012.179
Chi phí sản xuất kinh doanh	210.001.365.221	97.052.784.431	148.166.113.107	(25.884.851.007)	429.335.411.752
- Giá vốn hàng bán	190.078.179.354	92.925.282.580	133.295.340.573	(25.884.851.007)	390.413.951.500
- Chi phí tài chính	13.372.458.991	1.996.724.893	7.025.891.577	-	22.395.075.461
- Chi phí bán hàng	3.534.159.681	975.459.398	4.635.103.424	-	9.144.722.503
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.016.567.195	1.155.317.560	3.209.777.533	-	7.381.662.288
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.004.800.446	14.119.941.223	3.729.859.335	(14.526.932.622)	11.327.668.382
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	171.979.708	1.254.320	106.287.199	-	279.521.227
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	8.176.780.154	14.121.195.543	3.836.146.534	(14.526.932.622)	11.607.189.609

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 6 tháng đầu năm 2011

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	103.340.896.102	65.359.098.325	109.968.425.499	(54.408.722.640)	224.259.697.286
Doanh thu hoạt động tài chính	3.653.286	17.489.090.514	3.214.788	(17.409.202.653)	86.755.935
Chi phí sản xuất kinh doanh	101.936.242.235	69.924.362.875	101.401.910.150	(54.415.912.625)	218.846.602.635
- Giá vốn hàng bán	86.224.421.893	65.163.886.086	88.844.121.340	(54.415.912.625)	185.816.516.694
- Chi phí tài chính	9.613.420.390	2.569.198.930	3.418.017.596	-	15.600.636.916
- Chi phí bán hàng	2.861.656.418	580.896.158	5.880.658.302	-	9.323.210.878
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.236.743.534	1.610.381.701	3.259.112.912	-	8.106.238.147
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.408.307.153	12.923.825.964	8.569.730.137	(17.402.012.668)	5.499.850.586
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	30.312.523	(33.790.533)	63.212.876	219.062	59.953.928
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	1.438.619.676	12.890.035.431	8.632.943.013	(17.401.793.606)	5.559.804.514

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

27. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh phần IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.602.783.423	18.374.238.991
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.940.584.735	148.530.546.586
Tổng cộng	193.543.368.158	166.904.785.577
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	259.448.224.701	242.325.366.606
Phải trả người bán và phải trả khác	129.725.507.842	85.070.386.147
Chi phí phải trả	895.497.732	564.356.196
Tổng cộng	390.069.230.275	327.960.108.949

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	29.078.809.944	30.144.622.360	3.313.094.299	1.259.015.380

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của Công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/06/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	129.620.507.842	105.000.000	129.725.507.842
Chi phí phải trả	895.497.732	-	895.497.732
Các khoản vay	228.448.447.862	30.999.776.839	259.448.224.701
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
01/01/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	84.965.386.147	105.000.000	85.070.386.147
Chi phí phải trả	564.356.196	-	564.356.196
Các khoản vay	207.796.520.023	34.528.846.583	242.325.366.606

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.602.783.423	-	10.602.783.423
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.940.584.735	-	182.940.584.735
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.374.238.991	-	148.530.546.586
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.380.025.861	150.520.725	148.530.546.586

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

28. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chênh lệch tỷ giá các khoản vay đánh giá lại tại thời điểm 30/06/2012	93.350.898	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan		Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	<u>Quan hệ với Công ty</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	41.983.178.167	20.153.439.283
Mua hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	12.232.356.378	4.158.456.580
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	67.314.679.033	79.830.367.187

1.2 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan		30/06/2012	01/01/2012
	<u>Quan hệ với Công ty</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	36.416.416.284	13.704.368.918
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	17.316.189.091	-
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	20.438.840.587	-
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	53.256.971.819	29.220.214.399
Ông Nguyễn Bá Hùng	Cổ đông sáng lập	5.099.500.000	5.099.500.000

2. Những thông tin khác

2.1 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải

